

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Số: 64 /NQ-VBG-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2022**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2000;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2021;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV ngày 28 tháng 10 năm 2022.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí việc điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2022 với các chỉ tiêu chủ yếu: Sản lượng: 32.095 mk; Doanh thu: 176 tỷ đồng; Lợi nhuận: 4,5 tỷ đồng; Tiền lương bình quân: 11.220.307đ/người/tháng.

( Kèm theo tờ trình số 901/TTr-VBG ngày 28/10/2022 của VBG)

**Điều 2.** Giao cho Giám đốc Công ty trình Tập đoàn xin điều chỉnh KHPHKD năm 2022 để đảm bảo hoàn thành kế hoạch Tập đoàn giao.

**Điều 3.** Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty, Ban Kiểm soát, các đơn vị, phòng trong Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Các TV HĐQT; BKS; BDH;
- P.KHVT; P.TCHC; P.KTTKTC;
- Lưu VT; TK .

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐỊA CHẤT**  
**VIỆT BẮC**  
**TKV**  
**Q. ĐÔNG ĐÀ - T.P. HÀ NỘI**  
**Lê Quang Bình**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 901 /TTr-VBG

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022

## TỜ TRÌNH

### Xin điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2022

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc-TKV

Căn cứ công văn số 6050/TKV-KH ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2022.

Căn cứ kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2022 của Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV.

Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV xin điều chỉnh kế hoạch PHKD năm 2022 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

#### A/ Theo Kế hoạch PHKD năm 2022:

##### 1/ Sản phẩm chủ yếu:

**Chỉ tiêu khoan thăm dò: 48.960 m**  
Trong đó: - Thăm dò than: 41.465 m  
- Thăm dò khoáng sản: 7.495 m.

##### 2/ Chỉ tiêu giá trị:

- Giá trị thực hiện: 180.000 (Tr.đ)  
- Tổng doanh thu dự kiến: 180.000 (Tr.đ).  
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 4.700 (Tr.đ).

##### 3/ Lao động tiền lương:

Tổng số lao động bình quân toàn Công ty: 390 người.  
Tiền lương bình quân toàn Công ty: 10.883.547 đồng/ng-tháng.

#### B/ Công ty xin điều chỉnh các chỉ tiêu chính như sau:

##### 1/ Sản phẩm chủ yếu:

**Chỉ tiêu khoan thăm dò: 32.095 m**  
Trong đó: - Thăm dò than: 22.692 m  
- Thăm dò khoáng sản: 9.403 m.

##### 2/ Chỉ tiêu giá trị:

- Giá trị thực hiện: 176.000 (Tr.đ)  
- Tổng doanh thu dự kiến: 176.000 (Tr.đ).  
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 4.500 (Tr.đ).

##### 3/ Lao động tiền lương:

Tổng số lao động bình quân toàn Công ty: 370 người.  
Tiền lương bình quân toàn Công ty: 11.220.307 đồng/ng-tháng.

( Chi tiết có bảng biểu kèm theo)



**C/ Kết quả trên do một số nguyên nhân chủ yếu sau:**

Năm 2022 Công ty được giao thi công Đề án NCTL các khối tài nguyên 333 trong ranh giới Giấy phép khai thác số 1688/GP-BTNMT ngày 12/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường mở đồng Vi Kẽm, xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; Đề án NCTL trong ranh giới GPKT số 75/GP-BTNMT, ngày 22/01/2013 mở sắt Kíp Tước, Văn Bàn, Lào Cai; Đề án TD NCTL mở kẽm chì Chợ Điền, Chợ Đồn, Bắc Kạn. Tuy nhiên quá trình thi công đề án thăm dò mở đồng Vi Kẽm còn nhiều vướng mắc do triển vọng về tài nguyên có nhiều biến động nên khối lượng giảm nhiều; Đề án mở kẽm chì Chợ Điền, mở sắt Kíp Tước còn vướng mắc nhiều về thủ tục nên chưa triển khai thực hiện được nên giá trị thực hiện giảm trên 20 tỷ đồng. Bên cạnh đó các công trình khoan thăm dò của Công ty nằm tại nhiều vùng có điều kiện thi công khó khăn, phức tạp, các điểm khoan than chủ yếu nằm ở các khu vực Quảng Ninh như: Nam Mẫu, Đèo Nai, Uông Bí, Dương Huy, Núi Béo, Hà Lâm, Mạo Khê... là những nơi có địa tầng phức tạp, độ xiên lớn, khoan qua bãi thải nhiều dẫn đến làm tăng chi phí.

Từ những nguyên nhân trên, Công ty nhận thấy sẽ không đạt được Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như mục tiêu đã đặt ra.

Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc – TKV kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên/ như kính gửi;
- Lưu P.KH-VT, VT.



**CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2022**

Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV



TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2022	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2022	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật:</b>				
1	Khoan thăm dò:	M	48.960	32.095	
	- Khoan thăm dò than		41.465	22.692	
	- Khoan thăm dò khoáng sản		7.495	9.403	
<b>II</b>	<b>Giá trị thực hiện:</b>	Tr.đồng	<b>180.000</b>	<b>176.000</b>	
1	Khoan thăm dò địa chất, khác		180.000	176.000	
	- Thăm dò than		152.100	147.200	
	- Thăm dò khoáng sản		27.900	28.800	
2	Kinh doanh khác				
<b>III</b>	<b>Doanh thu tổng số:</b>	Tr.đồng	<b>180.000</b>	<b>176.000</b>	
1	Khoan thăm dò địa chất, trắc địa		180.000	176.000	
	- Thăm dò than		152.100	147.200	
	- Thăm dò khoáng sản		27.900	28.800	
2	Hoạt động tài chính, khác				
<b>IV</b>	<b>Tổng chi phí:</b>	Tr.đồng	<b>175.300</b>	<b>171.500</b>	
1	Chi phí trung gian		<b>112.779</b>	<b>110.096</b>	
2	Giá trị gia tăng:		<b>62.521</b>	<b>61.404</b>	
	- Khấu hao tài sản		5.952	5.952	
	- Tiền lương		50.935	49.818	
	- Bảo hiểm XH, Y tế, KPCĐ		5.634	5.634	
	- Ăn ca				
*	chi phí dở dang	Tr.đồng			
*	Huy động tồn kho	Tr.đồng			
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận:</b>	Tr.đồng	<b>4.700</b>	<b>4.500</b>	
	- Sản xuất địa chất, trắc địa		4.700	4.500	
	- Kinh doanh khác				
<b>VI</b>	<b>Lao động tiền lương:</b>				
1	Lao động bình quân	Người	390	370	
2	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	50.935	49.818	
3	Tiền lương bình quân	đ/ng/tháng	10.883.547	11.220.307	
4	Đơn giá tiền lương (Trên D.T)	đ/1000đ DT	273,0	273,0	